

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N trình bày:

Sau thời gian quen biết thông qua bạn bè giới thiệu, chị N và anh H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 21/4/2022 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó, hai người sinh sống tại nhà cha mẹ chị N tại ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Long An. Cuộc sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do anh H thường xuyên cờ bạc, sa đà vào các tệ nạn xã hội, tiêu tốn nhiều tài sản của gia đình và có hành động bạo lực với chị

N và gia đình chị. Sự việc kéo dài, chị N có báo cho cha mẹ anh H và chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả. Hiện nay chị N không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, xác định chị và anh H không phải là vợ chồng để anh H không còn lý do đến quấy rối cuộc sống của chị N và gia đình.

Quá trình chung sống, hai người không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu ly hôn của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn với bị đơn chung sống có tổ chức đám cưới vào ngày 21/4/2022 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V và Ủy ban nhân dân xã T, huyện M xác định chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh H không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị N và anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 8, 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh H là vợ chồng. Quá trình chung sống chị N và anh H không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và Anh H có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, do chị N muốn được giải quyết chấm dứt mối quan hệ với anh H nên theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Trong trường hợp này, chị N chỉ yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, không yêu cầu vấn đề khác nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

[2.2] Bị đơn anh Trần Minh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn đó là Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V và Ủy ban nhân dân xã T, huyện M đều xác nhận chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh H không có đăng ký kết hôn.

[2.4] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh H.

[3] Về con chung: Chị N trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết N.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tuyết N và anh Trần Minh H.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004237 ngày 25/10/2023 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thành, Mộc Hóa;
- UBND thị trấn Vĩnh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yên Linh